

Bản án số: 59/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 18/8/2020

V/v: Ly hôn

NHÂN DANH

**N- ỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TP THANH HOÁ - TỈNH THANH HOÁ**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Hoàng Thị Nguyệt

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Thị Hạnh;

2. Ông Đỗ Khắc Kiêm.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Ninh Thị Khánh Tân - Thư ký TAND thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa

Đại diện Viện Kiểm Sát nhân dân thành phố Thanh Hóa tham gia phiên tòa:

Bà Vũ Thị Hồng Nhung – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 270/2020/TLST- HNGĐ ngày 01 tháng 7 năm 2020 về tranh chấp “Ly hôn ” theo Quyết định đ- a vụ án ra xét xử số 100/2020/QĐXX-ST ngày 03 tháng 8 năm 2020 giữa các đ- ơng sự:

Nguyên đơn: Bà Trịnh Thị Tuyết M – Sinh năm 1958 (Vắng mặt)

Địa chỉ: H, phường Đ, thành phố T

Bị đơn: Ông Trịnh Văn X - Sinh năm 1953 (vắng mặt)

Địa chỉ: H, phường Đ, thành phố T

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, tại bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Trịnh Thị Tuyết M trình bày: Bà và ông Trịnh Văn X kết hôn với nhau vào ngày 01 tháng 8 năm 2013, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố T, trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống. Bà và ông X đã sống ly thân từ năm 2016 đến nay không ai quan tâm đến ai. Nay bà M xét thấy tình cảm vợ chồng giữa bà và ông X không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài. Mục đích hôn nhân không đạt được. Đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được

ly hôn với ông Trịnh Văn X.

Về con chung: Bà M và ông X không có con chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và công nợ chung : Bà M và ông X không có tài sản chung và công nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Phía bị đơn ông Trịnh Văn X trình bày tại bản tự khai:

Về hôn nhân: Ông X thống nhất với bà M về thời gian, điều kiện kết hôn, thời gian sống ly thân, thời điểm phát sinh và nguyên nhân mâu thuẫn. Nay bà M làm đơn ly hôn, ông xét thấy tình cảm vợ chồng của ông và bà M không còn nên ông đồng ý ly hôn.

Về con chung: Ông và bà M không có con chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và công nợ chung : Ông và bà M không có tài sản chung và công nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa bà M và ông X đều vắng mặt và bà M và ông X đều có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt đối với ông bà.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến :

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử :
Từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm xét xử Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định tại Điều 48 BLTTDS về thẩm quyền, quan hệ tranh chấp cũng như tư cách của những người tham gia tố tụng, các chứng cứ thu thập, thời hạn chuẩn bị xét xử cũng như gửi hồ sơ cho VKS nghiên cứu trong hạn luật định. Tổng đạt các văn bản cho VKS cũng như người tham gia tố tụng đầy đủ. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử tại phiên tòa HĐXX đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật TTDS về phiên tòa sơ thẩm, nguyên tắc xét xử, thành phần Hội đồng xét xử.

Đối với nguyên đơn: Từ khi thụ lý vụ án cũng như phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ, phiên hòa giải đã cung cấp các tài liệu chứng cứ và có mặt theo giấy triệu tập, chấp hành các quyết định của Tòa án, thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại điều 70,71 và 234 BLTTDS.

Đối với bị đơn: Đã nhận thông báo thụ lý vụ án, có tự khai, không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, phiên hòa giải không tham gia phiên tòa để thực hiện các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định tại điều 70,72 và 234 của BLTTDS.

Tại phiên tòa hôm nay bà M và ông X đều vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt đối với ông bà, nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, khoản 1 Điều 228 BLTTDS xét xử vắng mặt đối với các đương sự.

Về nội dung: Về hôn nhân đề nghị HĐXX căn cứ vào Điều 55 Luật HNGĐ xử công nhận sự thuận tình của bà M và ông X.

Về con cái: Bà M và ông X không có con chung

Về tài sản chung và công nợ chung : Không có, bà M và ông X không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã đ- ọc xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa nhận định:

[1]. Về tố tụng: Bà Trịnh Thị Tuyết M (Nguyên đơn) và ông Trịnh Văn X (Bị đơn) đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt, các đương sự đã có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt họ, do vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227, Điều 228 BLTTDS xét xử vắng mặt đối với các đương sự.

[2]. Về hôn nhân: Bà Trịnh Thị Tuyết M và ông Trịnh Văn X kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố Thanh Hóa là hôn nhân hợp pháp .

Quá trình vợ chồng chung sống hòa thuận được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do trong cuộc sống hay bất đồng quan điểm, dẫn đến tình cảm vợ chồng dần nứt, tình cảm vợ chồng không còn. Hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài. Từ năm 2016 cho đến nay ông X và bà M đã sống ly thân điều này đã được thể hiện qua lời khai của bà M, lời khai ông X (BL: 07,20, 21). Nay cả bà M và ông X xét thấy tình cảm vợ chồng giữa ông bà không còn, mâu thuẫn vợ chồng kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó bà M và ông X đề nghị Tòa án giải quyết cho ông bà được ly hôn. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 55 Luật hôn nhân gia đình xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Trịnh Thị Tuyết M và ông Trịnh Văn X.

[3]. Về con chung: Bà M và ông X không có con chung, ông bà không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Về tài sản chung và công nợ chung: Không có, bà M và ông X không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Bà M là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm nhưng bà là người cao tuổi nên được miễn tiền án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 227, 228; 271; 273 BLTTDS; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Trịnh Thị Tuyết M và ông Trịnh Văn X.

Về con chung: Bà M và ông X không có con chung.

Về tài sản chung và công nợ chung: Không có, ông bà không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nên Tòa không xem xét giải quyết.

Về án phí: Bà M là người cao tuổi nên được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14.

Ng-ời đ-ợc thi hành án dân sự, ng-ời phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị c-ỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án đ-ợc thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án . /.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND Tp Thanh Hóa;
- Chi cục THADS Tp Thanh Hóa;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- UBND ph T ;
- Lưu Hồ sơ.

**TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Hoàng Thị Nguyệt